

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO TÀI SẢN
CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM - VF1
Tháng 01 năm 2010

- 1 Tên công ty quản lý quỹ : **Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam**
2 Tên ngân hàng giám sát : **Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)**
3 Tên Quỹ : **Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam - VF1**
4 Ngày lập báo cáo: 05/02/2010

Đơn vị tính: VNĐ

STT	TÀI SẢN	KỶ BÁO CÁO Tháng 01/2010	KỶ BÁO CÁO Tháng 12/2009
1	Tiền	246.251.019.916	146.471.377.499
2	Các khoản đầu tư	2.113.960.326.633	2.210.281.884.979
2.1	Trái phiếu	160.567.176.000	160.523.350.000
2.2	Cổ phiếu	1.953.393.150.633	2.049.758.534.979
2.2.1	CP niêm yết	1.519.779.271.000	1.572.847.332.500
2.2.2	CP chưa niêm yết	433.613.879.633	476.911.202.479
3	Cổ tức được nhận	538.680.000	3.023.934.000
4	Lãi được nhận	9.446.434.192	7.822.323.889
4.1	Lãi trái phiếu	8.876.091.000	7.684.935.000
4.2	Lãi TGNH	570.343.192	137.388.889
5	Tiền bán chứng khoán chờ thu	30.378.583.400	17.790.076.200
6	Các khoản phải thu khác		5.050.000.000
7	Các tài sản khác	81.500.000.000	137.591.000.000
	TỔNG TÀI SẢN	2.482.075.044.141	2.528.030.596.567
STT	NỢ	KỶ BÁO CÁO Tháng 01/2010	KỶ BÁO CÁO Tháng 12/2009
8	Tiền phải thanh toán GD chứng khoán	12.257.150.250	38.036.770.514
8.1	Phải trả GDCK niêm yết	11.885.660.000	37.517.280.000
8.2	Phí môi giới GDCK	371.490.250	519.490.514
9	Các khoản phải trả khác	5.739.296.260	6.138.105.120
9.1	Phí quản lý quỹ	4.113.928.472	4.146.947.577
9.2	Phí lưu ký, giám sát	164.557.139	165.877.903
9.3	Thù lao BDD	49.833.333	92.000.000
9.5	Phí kiểm toán	121.776.600	243.738.000
9.6	Phải trả khác	1.289.200.716	1.489.541.640
10	Thuế TNDN Cổ tức phải trả cho nhà đầu tư VF1	3.985.166.812	3.985.166.812
	TỔNG NỢ	21.981.613.322	48.160.042.446
	TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ	2.460.093.430.819	2.479.870.554.121
11	Tổng số đơn vị quỹ	100.000.000	100.000.000
12	Giá trị của một đơn vị quỹ	24.601	24.799

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Người lập biểu

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Giám đốc tài chính

Tổng Giám đốc

N.T.TUỆ MINH

LÊ THỊ THÀNH TÂM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG
CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM - VF1

Tháng 01 năm 2010

- 1 Tên công ty quản lý quỹ : Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
- 2 Tên ngân hàng giám sát : Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)
- 3 Tên Quỹ : Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam - VF1
- 4 Ngày lập báo cáo: 05/02/2010

Đơn vị tính: VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	KỲ BÁO CÁO Tháng 01/2010	KỲ BÁO CÁO Tháng 12/2009
I	Giá trị tài sản ròng đầu kỳ	2.479.870.554.121	2.560.236.057.942
II	Thay đổi trong giá trị tài sản ròng của Quỹ trong kỳ	(19.777.123.302)	(80.365.503.821)
	Trong đó	-	-
1	Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ	(19.777.123.302)	39.634.496.179
2	Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ	-	(120.000.000.000)
III	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ	2.460.093.430.819	2.479.870.554.121
IV	Giá trị của một đơn vị Quỹ	24.601	24.799

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Người lập biểu

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Giám đốc tài chính

Tổng Giám đốc

N.T.TUỆ MINH

LÊ THỊ THÀNH TÂM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ
CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM - VF1
Tháng 01 năm 2010

- 1 Tên công ty quản lý quỹ : Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
2 Tên ngân hàng giám sát : Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)
3 Tên Quỹ : Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam - VF1
4 Ngày lập báo cáo: 05/02/2010

STT	CHỈ TIÊU	KỲ BÁO CÁO Tháng 01/2010	KỲ TRƯỚC Tháng 12/2009	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM 2009
I	Thu nhập từ hoạt động đầu tư	2.629.645.810	9.486.744.273	2.629.645.810
1	Cổ tức được nhận	5.700	13.489.748.918	5.700
2	Lãi được nhận	2.629.459.577	(4.003.019.749)	2.629.459.577
2,1	Lãi TGNH	1.438.303.577	985.317.251	1.438.303.577
2,2	Lãi trái phiếu	1.191.156.000	(4.988.337.000)	1.191.156.000
3	Thu nhập khác	180.533	15.104	180.533
II	Chi phí	4.776.408.593	6.193.478.803	4.776.408.593
1	Phí quản lý quỹ	4.113.928.472	4.146.947.577	4.113.928.472
2	Phí lưu ký, giám sát	164.557.139	165.877.903	164.557.139
3	Các loại chi phí khác	497.922.982	1.880.653.323	497.922.982
	Phí ngân hàng	9.118.077	13.305.018	9.118.077
	Thù lao Ban đại diện	49.833.333	92.000.000	49.833.333
	Phí môi giới bán CK	314.628.822	212.428.504	314.628.822
	Phí quản lý niêm yết & lưu ký	20.000.000	6.123.127	20.000.000
	Phí kiểm toán	20.311.500	243.738.000	20.311.500
	Phí họp Đại hội nhà đầu tư thường niên	84.031.250	1.042.591.050	84.031.250
	Phí họp Ban Đại Diện Quỹ VF1		32.780.381	
	CP công tác phí BDD quỹ		16.875.833	
	Chi phí khác		220.811.410	
III	Thu nhập ròng từ hoạt động đầu tư (I-II)	(2.146.762.783)	3.293.265.470	(2.146.762.783)
IV	Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư	(17.630.360.519)	36.341.230.709	(17.630.360.519)
1	Lãi (lỗ) thực tế phát sinh từ hoạt động đầu tư	26.025.927.090	33.637.469.483	26.025.927.090
2	Thay đổi về giá trị của các khoản đầu tư trong kỳ	12.434.712.391	(1.506.627.774)	12.434.712.391
3	Ghi nhận quyền phát hành thêm cp	(56.091.000.000)	4.210.389.000	(56.091.000.000)
V	Thay đổi của giá trị tài sản ròng của quỹ do các hoạt động đầu tư trong kỳ (III+IV)	(19.777.123.302)	39.634.496.179	(19.777.123.302)

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Người lập biểu

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Giám đốc tài chính

Tổng Giám đốc

N.T.TUỆ MINH

LÊ THỊ THÀNH TÂM